

Số: /KH-UBND

Bến Tre, ngày tháng 4 năm 2021

**KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bến Tre
giai đoạn 2021 - 2025**

**Phần I
CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH**

Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật
Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng
cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục
hậu quả thiên tai;

Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về
phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về
công tác phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng
Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ về việc quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;

Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 26/11/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng
dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu
tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch
phát triển ngành, kinh tế - xã hội;

Công văn số 113/TWPCTT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Ban Chỉ đạo
Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc xây dựng và triển khai thực hiện kế
hoạch phòng chống thiên tai các cấp;

Quyết định số 196/TWPCTT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Trưởng Ban
chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai ban hành Tài liệu hướng dẫn “Tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai”;

Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão của Trung ương ban hành và chuyển giao năm 2016 theo 05 kịch bản:

- Kịch bản 1: Bão cấp 13, mực nước tại An Thuận thời điểm bão đổ bộ +1,7m;
- Kịch bản 2: Bão cấp 12, mực nước tại An Thuận thời điểm bão đổ bộ +1,7m;
- Kịch bản 3: Bão cấp 11, mực nước tại An Thuận thời điểm bão đổ bộ +1,7m;
- Kịch bản 4: Bão cấp 10, mực nước tại An Thuận thời điểm bão đổ bộ +1,7m;
- Kịch bản 5: Bão cấp 10, mực nước tại An Thuận thời điểm bão đổ bộ +1,3m.

Phần II

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các sở, ban ngành tỉnh và các địa phương trong công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo kịp thời, toàn diện và có tầm nhìn chiến lược.

2. Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai thời gian qua; tăng cường thực thi pháp luật, các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; nâng cao công tác dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát, cập nhật cơ sở dữ liệu, đầu tư nâng cấp trang thiết bị và công cụ hỗ trợ; xử lý, khắc phục các vị trí xung yếu, tăng cường khả năng chống chịu của công trình phòng, chống thiên tai; ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế; tập trung huy động mọi nguồn lực để thực thi các chương trình, dự án, đề án; thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải quan tâm đến yêu cầu phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về tầm quan trọng, tính phức tạp, khẩn cấp của thiên tai; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; nâng cao năng lực, nhận thức của người dân trong công tác phòng chống thiên tai.

4. Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

II. YÊU CẦU

Triển khai thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 theo nội dung Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai, cụ thể:

1. Giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015 - 2020.
2. 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia trong tỉnh được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai.
3. 100% lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng về phòng, chống thiên tai, đặc biệt là với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn.
4. Nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là đê điều, cống, khu neo đậu tránh trú bão,...
5. 100% số hộ dân thuộc khu vực đông dân cư thường xuyên xảy ra thiên tai có nơi ở đảm bảo an toàn.

Phần III

ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Bến Tre là một tỉnh ven biển, nằm ở phía Đông Đông Nam Đồng bằng sông Cửu Long, giữa hạ lưu các sông Tiền, Ba Lai, Hàm Luông và sông Cỏ Chiên; diện tích tự nhiên 236.020 ha; phía Bắc giáp tỉnh Tiền Giang, có ranh giới chung là sông Tiền, phía Tây và Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh, có ranh giới chung là sông Cỏ Chiên, phía Đông giáp biển Đông với chiều dài bờ biển 65 km; được bao bọc và chia cắt thành ba dải cù lao gồm: cù lao An Hóa, cù lao Bảo và cù lao Minh. Điểm cực Nam nằm trên vĩ độ 9°48' Bắc; điểm cực Bắc nằm trên vĩ độ 10°20' Bắc; điểm cực Đông nằm trên kinh độ 106°48' Đông; điểm cực Tây nằm trên kinh độ 105°57' Đông.

Tỉnh Bến Tre có 09 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 1 thành phố Bến Tre là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của tỉnh và 8 huyện, với 157 xã, phường, thị trấn.

Với vị trí địa lý tự nhiên nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bến Tre trong phát triển cả kinh tế vườn và kinh tế biển, đồng thời cũng tạo cho Bến Tre nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai như: Bão, áp thấp nhiệt đới; sạt lở bờ sông, bờ biển; hạn hán, xâm nhập mặn,...

2. Đặc điểm địa hình, địa chất

Với đặc trưng châu thổ bồi lắng phù sa mới của sông Cửu Long trên nền phù sa cổ, địa hình nhìn chung bằng phẳng và có khuynh hướng thấp dần từ

hướng Tây Bắc xuống Đông Nam với những giồng cát hình cánh cung trên địa bàn ven biển có cao hơn, được hình thành chủ yếu qua quá trình bồi lắng trầm tích biển; chênh lệch tuyệt đối giữa điểm thấp nhất và điểm cao nhất vào khoảng 3,5 m. Có thể chia địa hình Bến Tre thành 3 vùng:

- *Vùng địa hình thấp*, cao trình <1 m, thường bị ngập nước theo triều, bao gồm các vùng đất trũng xa sông, các cù lao mới bồi, bãi triều ven sông và bờ biển, rừng ngập mặn.

- *Vùng địa hình trung bình*, cao trình 1-2 m, bằng phẳng ngập trung bình hoặc ít ngập theo triều (chỉ bị ngập trong thời điểm triều cường tháng XI-XII), chiếm khoảng 90% diện tích toàn tỉnh, thích hợp cho việc trồng lúa, lên liếp làm vườn,...

- *Vùng địa hình cao*, bao gồm dải đất cao ven các sông lớn từ Chợ Lách đến Châu Thành và phía Bắc-Tây Bắc của thị xã Bến Tre (cao trình 1,8-2,5 m), các giồng cát tại khu vực ven biển (cao trình 3,0-3,5m; có nơi >5 m). Phần đất cao thường là các giồng cát, ruộng cát dấu vết của các bờ biển cổ,... thích hợp cho việc canh tác rau, màu; là nơi tụ điểm dân cư vùng biển. Đa số địa danh ở vùng có địa hình cao đều mang thêm từ Giồng ở phía trước như: Giồng Tre, Giồng Trôm, Giồng Mù U,...

Nhìn chung, địa hình Bến Tre thích hợp cho sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn. Tuy nhiên, địa hình bị sông rạch chia cắt, có nhiều vùng trũng, nền đất yếu khả năng chịu lực kém đòi hỏi chi phí gia cố nền móng cao đối với các công trình xây dựng, công trình giao thông.

3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

Bến Tre nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng của khí hậu biển, hàng năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

a) **Nhiệt độ:** Nhiệt độ của tỉnh cũng tương đối cao, đủ cho sự phát triển cây trồng và vật nuôi. Trị số trung bình vào khoảng 27°C. Tháng nóng nhất là tháng 4 và 5, cho nên nhiệt độ trung bình vào khoảng 29°C. Tháng ít nóng nhất là 12, trung bình khoảng 25°C. Chênh lệch giữa tháng ít nóng nhất và tháng nóng nhất là 4°C. Nhiệt độ thấp tuyệt đối trong ngày là 18,1°C và cao nhất trong ngày (thường xảy ra quá trưa) là 36°C. Trong mùa khô, biên độ dao động ngày đêm lên đến 14°C, vào mùa mưa là 11,4°C.

b) **Độ ẩm:** Độ ẩm tương đối trung bình/năm từ 81-82%, riêng vùng ven biển về mùa mưa có khi lên 90-91%, ít thay đổi qua các năm. Tháng 4 thường có độ ẩm thấp nhất trong năm, bình quân khoảng 74%, tháng 8 có độ ẩm cao nhất 84%. Nhìn chung độ ẩm giữa các tháng ít chênh lệch nhau, các tháng mùa mưa có độ ẩm cao hơn các tháng mùa khô từ 5-10%.

c) **Nắng:** Do ở vĩ độ thấp nên Bến Tre tiếp nhận được ánh nắng dồi dào, độ dài ban ngày lớn, bức xạ và nhiệt độ cao, thích hợp cho sự phát triển của cây trồng. Tổng số giờ nắng trong năm đạt trên dưới 2.630 giờ. Trong mùa khô, số giờ

nắng trung bình mỗi ngày đạt từ 8 - 9 giờ. Tháng mùa mưa trung bình từ 5 - 7 giờ trong ngày.

d) Gió: Bến Tre chịu tác động của 2 loại gió chính: Gió mùa Tây-Tây Nam và gió chướng Đông-Đông Bắc.

- Gió mùa Tây-Tây Nam thường xuất hiện trong mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, tốc độ trung bình 1,0-1,2 m/s (riêng vùng biển 2,0-3,9 m/s), tốc độ tối đa 10-18 m/s (vùng biển 12-20 m/s).

- Gió chướng Đông-Đông Bắc thổi theo hướng từ biển vào từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Trong tháng 9, gió chướng ít khi xảy ra, vì gió mùa tây nam còn đang thịnh hành. Gió chướng chỉ bắt đầu thổi vào tháng 10 đạt khoảng 50%, sau 2 tuần có thể lên đến 80%. Trong khoảng thời gian từ ngày 2 đến ngày 11 tháng 11, tần suất lại giảm dần, có lúc xuống lại 50%. Từ ngày 27 tháng 11 về sau, gió chướng hầu như xảy ra thường xuyên.

- + Phân bố gió chướng trong ngày: Qua 4 lần quan trắc 1, 7, 13 và 19 giờ Việt Nam trong một ngày, ta thấy gió lúc 13 giờ mạnh nhất. Đó là lúc nhiệt độ ở đất liền cao hơn ở mặt biển, nên gió chướng kết hợp với gió biển thổi vào đất liền lúc này có độ cao.

- + Gió chướng nếu được đồng bộ với triều cường, đẩy mặn xâm nhập sâu vào nội đồng làm ảnh hưởng xấu đến mùa màng và các loại hoa màu khác. Vì gió chướng thổi mạnh đẩy nước biển chảy ngược vào các sông chính và tràn vào các kênh rạch, làm nhiễm mặn đồng ruộng các vùng gần biển. Bọt nước biển được gió đưa vào bám các mầm non, làm hạn chế sự phát triển của cây lúa và các hoa màu khác.

đ) Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình nhiều năm đo bằng ống Piche tại Mỹ Tho là 1117 mm, bình quân ngày 3,3 mm/ngày. Tháng 3 có lượng bốc hơi lớn nhất 133 mm, bình quân 4 mm/ngày. Tháng 10 có lượng bốc hơi nhỏ nhất 72 mm, trung bình 2,2 mm/ngày.

e) Mưa: Lượng mưa hàng năm khoảng 1.450 mm, biến động khoảng 1.200-1.600 mm, thuộc loại thấp nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong năm có hai mùa rõ rệt là mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 chiếm 90-93% lượng mưa năm, trong đó hai tháng 9 và tháng 10 chiếm tới 40% lượng mưa; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 chiếm 7-10% lượng mưa năm, lượng mưa này tập trung vào 2 tháng chuyển tiếp là tháng 12 và tháng 4; các tháng 1, 2, 3 hầu như không mưa. Trung bình mỗi năm có 110 ngày mưa hữu hiệu, trung bình trong ngày mưa cứ 2 ngày có 1 ngày mưa, nhưng hạn bà chằng thường xảy ra vào cuối tháng 7, đầu tháng 8 số ngày không mưa liên tục hoặc lượng mưa không đáng kể là 7,8 ngày, thậm chí có năm 10-12 ngày.

g) Chế độ thủy triều biển Đông: có dạng bán nhật triều không đều có hai đỉnh xấp xỉ nhau và hai chân chênh lệch nhau, có những đặc điểm chính như sau:

- *Chu kỳ triều ngày*: Trong một ngày thường có hai lần nước lên và hai lần nước xuống trung bình là 24 giờ 50 phút, chênh lệch hai đỉnh triều trong ngày từ

0,2 – 0,3m, chênh lệch hai chân lớn từ 1,0 – 2,5m. Thời gian triều lên và triều xuống phụ thuộc vào giai đoạn triều cường hay triều kém, trong giai đoạn triều cường tức là ngày triều có hai chân chênh lệch nhau lớn (bán nhật triều không đều) thì thời gian từ chân thấp lên đỉnh và từ đỉnh xuống chân thấp khoảng 7-8 giờ và thời gian từ chân cao lên đỉnh, từ đỉnh xuống chân cao khoảng 3-4 giờ. Trong thời gian triều kém, thủy triều có dạng bán nhật triều đều, thời gian lên và xuống gần bằng nhau và bằng khoảng 6 giờ.

- *Chu kỳ triều tháng và nửa tháng:* Một tháng âm lịch với 29,5 ngày là một chu kỳ của mặt trăng thường có hai kỳ triều cường và hai kỳ triều kém. Thời kỳ triều cường thường trong khoảng 3 ngày xuất hiện vào lúc không trăng hoặc trăng tròn, có đỉnh cao nhất và chân thấp nhất. Thời kỳ triều kém xuất hiện vào ngày mặt trăng thượng và hạ huyền (ngày 7 và 23 âm lịch hàng tháng), có đỉnh thấp và chân cao.

- *Chu kỳ năm:* Trong năm mực nước triều biển Đông có một đỉnh cao nằm trong khoảng tháng 12 hoặc tháng 1 hàng năm và có một chân thấp trong khoảng tháng 6 hoặc tháng 7, chênh lệch giữa đỉnh cao và chân thấp khoảng 0,5 - 0,6m.

Nhìn chung, tác động của điều kiện khí hậu đối với sự hình thành và phát triển đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre là tình trạng bốc thoát hơi nước cao, gió chướng cũng là một trong những nguyên nhân gây ra nước biển dâng cao và đẩy mạnh triều biển vào sâu trong nội đồng.

h) Thủy văn: Tỉnh Bến Tre có hệ thống sông rạch phát triển, với 4 nhánh sông lớn của sông Tiền (thuộc hệ thống sông Cửu Long) là sông Mỹ Tho (sông Tiền), Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên, tổng chiều dài sắp xỉ 300 km. Ngoài ra, còn hệ thống kênh rạch nối các sông lớn với nhau thành mạng lưới chằng chịt với tổng chiều dài hơn 2.367 km. Tổng lưu lượng nước các sông thuộc hệ thống sông Tiền lên đến 30 tỷ m³/năm; vào mùa lũ chiếm 80%, tức gấp 4 lần lưu lượng mùa khô.

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Dân số: toàn tỉnh là 1.289.098 người, mật độ dân số là 535 người/km². Trong đó:

- Chia theo giới tính: Nam 630.762 người, Nữ 658.336 người.
- Chia theo thành thị, nông thôn: thành thị 126.362 người (chiếm 9,8%); Nông thôn 1.162.736 người (chiếm 90,2%).

2. Lực lượng lao động: từ 15 tuổi trở lên là 815.003 người. Trong đó:

- Chia theo giới tính: Nam 437.661 người, Nữ 377.342 người.
- Chia theo thành thị, nông thôn: thành thị 70.763 người; Nông thôn 744.240 người.

3. Kinh tế tỉnh Bến Tre: với cơ cấu thương mại-dịch vụ, Nông lâm thủy sản và Công Nghiệp (Khu vực I chiếm 30,75%, Khu vực II chiếm 20,58% và khu vực III chiếm 45,69%, trong đó khu vực nông lâm thủy sản phát triển chủ lực là

kinh tế vườn (dừa, cây ăn trái) và kinh tế biển (nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản).

III. ĐẶC ĐIỂM VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Giáo dục: toàn tỉnh có 540 trường, gồm: 184 trường mầm non, 356 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Ngoài ra toàn tỉnh có 01 trường trung cấp, 02 trường cao đẳng và 01 trung tâm đào tạo đại học thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Y tế: tổng số cơ sở y tế 186 cơ sở, với 4.480 giường bệnh và 3.400 bác sĩ, y sĩ, y tá, ... 100% xã, phường, thị trấn có cơ sở y tế.

3. Hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh trên địa bàn tỉnh đã được nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa; hệ thống truyền thanh, điện thoại không dây và có dây đã được phủ khắp các xã, phường, thị trấn, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng chống thiên tai (PCTT) đến các cấp các ngành và mọi người dân. Theo phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của ngành Viễn thông tỉnh, với phương châm “Đảm bảo thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cho các cấp chính quyền địa phương trong mọi tình huống”, ngành đã chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu sử dụng cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, kể cả các máy điện thoại vệ tinh, cáp quang, vô tuyến lưu động dự phòng khi tình huống xấu xảy ra. Ngoài ra, các đơn vị trên địa bàn, như: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và Điện lực Bến Tre đều sẵn sàng các thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến dự phòng phối hợp đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn (TKCN) trên địa bàn tỉnh trong mọi tình huống.

4. Giao thông: hệ thống giao thông trong tỉnh đã được cải thiện với các tuyến giao thông chính, như: Quốc lộ 57, 57B, 57C, 60 và các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ,.... Theo phương án ứng phó của ngành Giao thông tỉnh, ngoài việc đảm bảo an toàn các công trình giao thông phục vụ PCTT và TKCN khi có bão mạnh, siêu bão xảy ra trên địa bàn, nhất là các trục giao thông huyết mạch từ vùng ven biển vào sâu trong đất liền, các bến tàu, bến phà... ngành còn huy động trên 3.000 phương tiện vận chuyển thủy, bộ và thiết bị chuyên dụng khác của Sở và các địa phương để phục vụ công tác sơ tán dân và phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

5. Công trình thủy lợi

Trong những năm qua, tỉnh Bến Tre được sự quan tâm hỗ trợ của các Bộ, Ngành Trung ương đã đầu tư xây dựng các công trình góp phần rất lớn trong việc phòng chống thiên tai tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống của nhân dân. Cụ thể như sau:

a) Đã đầu tư, nâng cấp được 83 km đê biển thuộc 03 huyện Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú. Trong đó: củng cố nâng cấp đê biển theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ với tổng chiều

dài 37 km (cao trình đỉnh đê + 4,0 m, bề rộng mặt đê 8,0 m); Đầu tư xây dựng tuyến đê biển huyện Ba Tri với chiều dài 31 km (cao trình đỉnh đê + 3,5 m, bề rộng mặt đê 5,0 m).

b) Đầu tư, xây dựng khoảng 500 km đê bao, bờ bao cục bộ,... các công trình công đầu mối: cống đập Ba Lai và các cống ngăn mặn, trữ ngọt,...hệ thống đê sông, đê cục bộ, khu vực và các cống dưới đê phục vụ ngăn triều cường và xâm nhập mặn. Trong đó có khoảng 150km đê bao ven các sông chính đã được đầu tư, nâng cấp.

c) Xây dựng 03 khu neo đậu cho tàu cá: khu neo đậu huyện Bình Đại (trên rạch Bình Châu thuộc xã Bình Thắng) có sức chứa khoảng 1.000 tàu có công suất từ 60 - 600 CV; khu neo đậu huyện Thạnh Phú (trên vàm Eo Lỏi thuộc xã Giao Thạnh) có sức chứa 1.000 tàu có công suất từ 60 - 600 CV; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri (rạch Bắc Kỳ, xã An Thủy, huyện Ba Tri - thiết kế 170 trụ neo).

d) Cấp nước sinh hoạt: trên địa bàn tỉnh có 63 nhà máy cấp nước tập trung, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ các nhà máy nước tập trung đạt 67%, trong đó khu vực thành thị đạt 94%, khu vực nông thôn đạt 63,6%; ngoài ra còn có 8,3% hộ dân sử dụng nước sạch từ các hệ thống cấp nước nhỏ lẻ (tính chung tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 75,29%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 99,3%.

đ) Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới trong những năm qua đã từng bước xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, giao thông, thông tin liên lạc,... đã góp phần hỗ trợ rất lớn cho công tác phòng chống thiên tai, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức sơ tán dân, di dời dân khi có bão, áp thấp nhiệt đới.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

Phần IV

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống thiên tai được ban hành và có hiệu lực đã từng bước nâng cao hiệu lực quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động phòng chống thiên tai: Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Thủy lợi, Luật Khí tượng thủy văn, Nghị Quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; Nghị định 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt

lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;...

II. HỆ THỐNG CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CÁC CẤP VÀ QUY CHẾ PHỐI HỢP

1. Tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp địa phương được kiện toàn theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai: Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cùng cấp nên đã huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc.

2. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

3. 157/157 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có thành lập lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai (Quyết định số 08/QĐ-PCTT ngày 27/3/2020) với khoảng 15.096 người, trong đó Dân quân tự vệ đóng vai trò nòng cốt.

4. Về trang thiết bị, cơ sở vật chất và công cụ hỗ trợ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai (Công văn số 41/TWPCTT ngày 27 tháng 02 năm 2018): Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, huyện, thành phố chưa được trang bị phòng họp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai; trang thiết bị hỗ trợ công tác trực ban; chưa hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu, số hóa bản đồ phục vụ chỉ đạo, điều hành;...

5. Về nhân sự: Cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai của các cấp địa phương (từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn) đều kiêm nhiệm, thời gian dành cho công tác phòng chống thiên tai còn hạn chế. Chưa có cán bộ được đào tạo qua trường lớp, chủ yếu là trao đổi, học hỏi kinh nghiệm và nghiên cứu tài liệu. Bên cạnh đó, một số cán bộ đã có thời gian công tác trong lĩnh vực phòng chống thiên tai nhưng được đề bạt, bổ nhiệm ở vị trí cao hơn hoặc chuyển công tác dẫn đến thiếu cán bộ có kinh nghiệm.

III. CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO SỚM

Công tác dự báo, cảnh báo trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai như hạn mặn, bão, áp thấp nhiệt đới,... Tuy nhiên, về thực trạng hệ thống các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn còn hạn chế về số lượng và công nghệ, chưa được đầu tư các trạm quan trắc tự động (quan trắc độ mặn, mực nước,...).

IV. PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Nhìn chung về vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, chủ yếu được huy động trong dân; phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển có công suất nhỏ;...

V. CÔNG TÁC CỨU HỘ, CỨU NẠN

Thực hiện Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ, nhằm đảm bảo sẵn sàng và ứng phó kịp thời, hiệu quả trong mọi tình huống khi xảy ra sự cố, thiên tai, đồng thời hạn chế thiệt hại về người và tài sản. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã chỉ đạo các ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, trong đó giao Bộ Chỉ huy Quân sự chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Tuy nhiên, về năng lực ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh còn nhiều hạn chế: về phương tiện, trang thiết bị; lực lượng làm nhiệm vụ là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, tập huấn nên thiếu kỹ năng, kinh nghiệm,...

VI. THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TRONG PCTT

1. Áp dụng hệ thống tin nhắn SMS trong việc truyền tải các nội dung chỉ đạo, điều hành; các thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến lãnh đạo các ngành, các cấp địa phương một cách nhanh chóng để kịp thời chỉ đạo phòng tránh, ứng phó khi có tình huống thiên tai (hiện tại hệ thống của tỉnh có 827 thành viên). Ngoài ra, các thông tin về phòng chống thiên tai còn được chuyển tiếp đến các ngành, địa phương bằng nhiều hình thức khác như gửi Email, hệ thống quản lý văn bản Vnpt-Ioffice, fax, điện thoại,...

2. Đối với các tàu thuyền hoạt động trên biển, người dân hoạt động ở khu vực ven bờ, trên bờ có thể theo dõi, nắm bắt thông tin tình hình bão, ATNĐ thông qua hệ thống các trạm bờ, hệ thống Movima và đặc biệt là sự kêu gọi, kiểm đếm của lực lượng Biên phòng giúp cho ngư dân biết và chủ động phòng tránh.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đồng Khởi, Đài Truyền thanh các địa phương thực hiện thông tin, tuyên truyền khi có tình huống thiên tai để người dân biết, chủ động ứng phó.

VII. NĂNG LỰC VÀ NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PCTT

Trong những năm qua, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, đồng thời tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn, diễn tập đã từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, vai trò trách nhiệm, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể và ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong ứng phó với tình huống khẩn cấp do thiên tai gây ra trên địa bàn, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân chủ quan, chưa nhận thức được tác hại của thiên tai; chưa chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó, trông chờ vào sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính quyền địa phương.

VIII. NĂNG LỰC CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Cơ sở hạ tầng của tỉnh còn hạn chế, nhất là nhà ở nhân dân vùng nông thôn, khu vực ven sông, ven biển, các cồn; những công trình phòng chống thiên tai như: khu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà tránh trú bão của địa phương cũng không đảm bảo an toàn trước gió bão mạnh từ cấp 10 trở lên;... Do đó, khi có tình huống thiên tai xảy ra (nhất là bão mạnh, siêu bão) sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác ứng phó.

2. Hệ thống công trình thủy lợi chưa khép kín, các tuyến đê biển chưa được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cống dưới đê và nhiều tuyến đê sông, đê cục bộ và khu vực sau khi xây dựng đưa vào khai thác sử dụng đến nay cao trình hiện trạng và bề rộng mặt đê đã giảm so với thiết kế,... dẫn đến hàng năm tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của một số loại hình thiên tai như hạn mặn; sạt lở bờ sông, bờ biển;...

IX. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, QUY HOẠCH CỦA CÁC NGÀNH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong đầu tư, xây dựng các công trình, dự án của một số ngành, địa phương có tính đến yếu tố lồng ghép phục vụ phòng chống thiên tai. Tuy nhiên việc lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội chưa được thực hiện đồng bộ.

X. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC PHỤC HỒI, TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp địa phương khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện giúp người dân khắc phục hậu quả khi có tình huống thiên tai xảy ra; tập trung huy động mọi nguồn lực nhằm khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; các nguồn lực sau khi tiếp nhận đã kịp thời chuyển đến người dân để giảm bớt khó khăn trong mùa hạn mặn. Đồng thời, triển khai thực hiện tốt các chế độ, chính sách hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;...

Tuy nhiên, trước tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, trái quy luật và ngày càng cực đoan, gay gắt hơn, cụ thể như đợt 02 hạn mặn khốc liệt vào mùa khô năm 2015-2016 và mùa khô năm 2019-2020 với độ mặn tăng cao đột ngột và xâm nhập sâu vượt mức lịch sử trung bình nhiều năm; sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng nghiêm trọng, diễn biến nhanh, bất ngờ; năm 2017 số lượng bão xuất hiện và hoạt động trên biển Đông đạt kỷ lục: 16 cơn bão và 04 áp thấp nhiệt đới; triều cường ngày càng diễn biến phức tạp, đợt

triều cường tháng 11/2020 mực nước đo được tại các trạm đã vượt đỉnh triều lịch sử;... trong khi nguồn lực của tỉnh còn nhiều hạn chế đã dẫn đến một số khó khăn trong công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai.

XI. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Kinh phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai của tỉnh còn hạn chế dẫn đến một số khó khăn trong việc trang bị cơ sở vật chất phục vụ văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp; các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực chính quyền địa phương các cấp và nhận thức người dân còn hạn chế,...; mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ.

Phần V

XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

I. XÁC ĐỊNH CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI THƯỜNG GẶP

Giai đoạn từ năm 2015-2020, tỉnh Bến Tre đã chịu ảnh hưởng bởi các loại hình thiên tai: Hạn hán và xâm nhập mặn; Giông, lốc xoáy; Lũ và triều cường; Sạt lở bờ sông, bờ biển; Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ);... Hàng năm, các loại hình thiên tai nói trên đã gây tác động rất lớn đến đời sống và sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Hạn và xâm nhập mặn

Thường xảy ra hàng năm vào mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 6 năm sau. Có 3 nguyên nhân chính: Dòng chảy kiệt trên sông Tiền (lượng nước ngọt mùa khô) ở mức thấp (lũ thượng nguồn không xảy ra). Sự xuất hiện gió chướng nhiều đợt trong mùa khô và mỗi đợt trên 5 ngày. Thủy triều biển Đông vào những ngày mùa khô ở mức cao.

Trong giai đoạn 2015-2020, tỉnh Bến Tre đã chịu ảnh hưởng bởi 02 đợt xâm nhập mặn hết sức gay gắt, khốc liệt gây thiệt hại rất lớn đến mọi mặt đời sống, sản xuất của người dân. Cụ thể:

- Mùa khô năm 2015-2016, hạn hán, xâm nhập mặn đã gây thiệt hại: 20.356 ha lúa; 458 ha hoa màu; 151.357 cây giống; 5.240 ha cây ăn trái; 1.302 ha cây công nghiệp; 1.380.115 cây hoa kiểng các loại; 1.783 ha thủy sản; 41.325 hộ dân bị thiếu nước ngọt,... Chỉ ước tính giá trị thiệt hại của ngành nông nghiệp do hạn mặn năm 2016 đã lên đến 1.497 tỷ đồng.

- Mùa khô 2019-2020, mặn xâm nhập sớm, diễn biến phức tạp, gay gắt, khốc liệt hơn năm 2016. Ngay từ giữa tháng 11/2019 mặn đã bắt đầu xâm nhập vào các cửa sông chính đến đầu tháng 12/2019 mặn xâm nhập nhanh, rất sâu vào trong các sông chính, độ mặn 2‰ bao phủ toàn tỉnh Bến Tre. Độ mặn cao duy trì liên tục trên các sông chính của tỉnh từ tháng 12/2019 đến đầu tháng 5/2020 làm cho nguồn nước trên sông Hàm Luông và Cửa Đại không có nước ngọt. Theo số

liệu thống kê, hạn hán, xâm nhập mặn đã gây thiệt hại trong lĩnh vực nông lâm thủy sản hơn 2.800 tỷ đồng.

2. Giông, lốc xoáy

Đây là một hiện tượng khí tượng nguy hiểm và rất khó phòng tránh. Hàng năm, giông lốc thường xảy ra vào mùa mưa gây thiệt hại rất lớn đến tính mạng và tài sản của người dân (chủ yếu gây sập, tốc mái nhà ở). Theo số liệu thống kê, lốc xoáy đã làm 04 người chết, 78 người bị thương, 346 căn nhà ở bị sập, 1.958 căn nhà bị hư hỏng, tốc mái,... Trong đó, trường hợp 04 người chết nêu trên là do dông lốc làm lật ghe trên sông Ba Lai, thuộc địa phận huyện Ba Tri vào ngày 20/8/2020.

3. Triều cường

Tỉnh Bến Tre chủ yếu bị ảnh hưởng bởi triều cường kết hợp với lũ thượng nguồn đổ về, hoặc kết hợp do mưa bão, ATNĐ, làm cho việc tiêu thoát nước chậm gây ngập úng. Do địa hình của Bến Tre có nhiều sông rạch nên phạm vi ảnh hưởng của triều cường là tương đối lớn như các xã đầu nguồn của huyện Chợ Lách và Châu Thành, nhất là các cồn trên sông; triều cường gây ngập úng cục bộ, sạt lở đê bao, hư hỏng đường giao thông, thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp (đặc biệt vườn cây ăn trái) và nhiều công trình khác.

Trong năm 2019-2020, tình hình triều cường trên các sông chính trong tỉnh diễn biến hết sức phức tạp, xuất hiện 02 đợt triều cường với mực nước đo được vượt đỉnh triều lịch sử. Cụ thể: Đợt triều cường vào cuối tháng 9 đầu tháng 10/2019, mực nước triều trên địa bàn tỉnh lên rất cao, tại một số trạm đo đã vượt mức đỉnh triều lịch sử gây ảnh hưởng đến: 27 km đê bao, bờ bao; 40 km đường giao thông nông thôn; gây ngập trên 700 ha đất sản xuất, cây giống, ao nuôi và ảnh hưởng đến nhiều vị trí cống, công trình đang thi công tại các địa phương trong tỉnh.

- Đợt triều cường từ ngày 12-19/11/2020, mực nước trên các sông, kênh rạch trong tỉnh lại tiếp tục vượt đỉnh triều lịch sử (cao hơn đợt triều cường năm 2019) đã gây tràn, sạt lở, vỡ đê tại một số khu vực làm ngập, ảnh hưởng đến vườn cây ăn trái, hoa màu, nuôi trồng thủy sản và nhà ở của người dân. Cụ thể ảnh hưởng trên 4.000m đê bao, bờ bao; 2.900m kè sông, kè biển; nhiều tuyến đường giao thông nông thôn bị tràn nước, sạt lở; 43,3 ha nuôi trồng thủy sản; 72ha hoa màu bị ngập; ngoài ra, triều cường gây tràn, ngập nhà ở của người dân, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại các địa phương trong tỉnh.

4. Sạt lở bờ sông, bờ biển

Theo kết quả rà soát, thống kê của các địa phương, trong khoảng thời gian từ 5 năm trở lại đây, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre diễn biến rất phức tạp và ngày càng nghiêm trọng hơn, gây thiệt hại lớn đối với sản xuất, dân sinh. Cụ thể như sau:

- Sạt lở bờ sông: tổng chiều dài khoảng 114,5 km gây hư hại nhà ở, mất đất sản xuất của hàng trăm hộ dân. Trong đó: sông Hàm Luông 50,0 km; sông Tiền

11,0 km; sông Cửa Đại 2,3 km; sông Cỏ Chiên 20,7 km; sông Ba Lai 1,3 km; kênh Giao Hòa 3,1 km và 26,1 km đê bao nội đồng, bờ bao cục bộ, đường giao thông nông thôn,...

Theo đánh giá của Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam, sạt lở bờ sông ở mỗi khu vực có nguyên nhân khác nhau. Một số nguyên nhân chủ yếu, thứ yếu như sau: Thứ nhất là do các bậc thang thủy điện trên thượng nguồn đã làm thay đổi dòng chảy (chủ yếu là phân bố theo thời gian) và giảm khối lượng phù sa về Đồng bằng sông Cửu Long chỉ còn khoảng 25 -35% so với trước đây dẫn đến xói lở sẽ gia tăng do thiếu hụt lượng bùn cát trong lòng dẫn. Do đặc điểm hình thái sông (các đoạn sông cong, các sông rạch bị chia cắt nhiều,...) tạo ra hiện tượng dòng chảy xoáy, co hẹp dòng chảy,... gây xói lòng sông. Việc xây dựng nhà và công trình lấn sông rạch làm tải trọng ven bờ sông tăng lên, đất bờ sông yếu không chịu được tải trọng lớn gây sạt lở bờ. Sóng do gió, do giao thông thủy gây xói lở bờ sông. Khai thác cát gây mất cân bằng bùn cát cũng là một trong những nguyên nhân gây xói lở bờ sông.

- Sạt lở bờ biển: tổng chiều dài khoảng 19 km đã làm mất khoảng 200 ha đất và 54 ha rừng phòng hộ thuộc 03 huyện ven biển. Trong đó: huyện Ba Tri chiều dài sạt lở khoảng 4,0km làm mất khoảng 45 ha đất và 09 ha rừng phòng hộ; huyện Thạnh Phú chiều dài sạt lở khoảng 10,0km làm mất khoảng 56 ha đất và 37 ha rừng phòng hộ; huyện Bình Đại chiều dài sạt lở trên 5,0km làm mất khoảng 100 ha đất và 08 ha rừng phòng hộ.

- Một số khu vực đã và đang bị ảnh hưởng sạt lở nghiêm trọng từ năm 2017 đến nay:

+ Bờ biển khu vực Cồn Ngoài, ấp Thạnh Hải, xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri: tháng 02/2017, bị sạt lở trên 200 mét gây thiệt hại 02 căn nhà ở (trong đó hư hỏng hoàn toàn 01 căn); hư hại hoa màu, nuôi thủy sản, rừng phi lao, các công trình bờ bao, đường giao thông, trụ điện,... trong khu vực;

+ Bờ biển khu vực xã Thanh Phong và xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú: sạt lở gây ảnh hưởng đến Khu di tích lịch sử Đường Hồ Chí Minh trên biển thuộc Cồn Bưng; khu dân cư ven biển và khu du lịch;...

+ Khu vực cồn Phú Đa - Phú Bình, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách: tháng 5/2017, bị sạt lở trên 400 m làm 04 căn nhà ở kiên cố bị sụp trôi mất hoàn toàn; 08 căn nhà ở bị đe dọa trực tiếp đã di dời khẩn cấp; sạt lở mất 01 cầu phà làm giao thông bị chia cắt; 25 ha cây ăn trái, hoa màu bị ngập úng; mất gần 2 ha đất chỉ trong vòng 02 ngày.

+ Khu vực cồn Thành Long, ấp Thành Long, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam đã xảy ra sạt lở đê bao nghiêm trọng vào tháng 12/2017 làm nước từ sông Cỏ Chiên tràn vào gây ngập úng khoảng 35 ha đất thuộc tổ nhân dân tự quản số 11, 12 với gần 50 hộ dân bị ảnh hưởng. Mực nước ngập trung bình từ 0,7m đến 1,0m.

+ Sạt lở bờ sông Mỏ Cày, thuộc Khu phố 7, thị trấn Mỏ Cày Nam vào ngày 16/6/2018, chiều dài sạt lở khoảng 30 m làm hư hỏng 04 căn nhà ở của người dân (mức độ hư hỏng trên 90%) và có 06 hộ dân trong khu vực hiện đang có nguy cơ cao bị sạt lở. Tại ấp Thanh Thủy, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam cũng bị sạt lở khu vực ven sông Hàm Luông với chiều dài khoảng 20 m đã làm hư hỏng 01 căn nhà ở và sập 15 m bờ kè bê tông của người dân.

+ Năm 2019-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông, bờ biển tại một số khu vực: huyện Ba Tri, Bình Đại, Thanh Phú và Thành phố Bến Tre gồm 04 điểm sạt lở nghiêm trọng với tổng chiều dài 6,9km (Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019); tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam với chiều dài sạt lở 2,967km (Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2020).

5. Bão, áp thấp nhiệt đới

Tỉnh Bến Tre thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nên ít bị ảnh hưởng trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới. Theo thống kê trong những năm gần đây, các cơn bão hoạt động trên biển Đông diễn biến không theo quy luật vốn có và đang có xu hướng dịch chuyển sự ảnh hưởng xuống phía Nam, số các cơn bão mạnh xuất hiện ngày càng nhiều với những diễn biến phức tạp và ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta; đáng chú ý gần đây nhất là siêu bão Haiyan năm 2013. Trong giai đoạn từ năm 2015-2020, bão, áp thấp nhiệt đới không gây ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Bến Tre nhưng hiện tượng sóng to, gió lớn trên biển thường xuyên xảy ra đã gây ảnh hưởng đến hoạt động khai thác hải sản của ngư dân.

II. CÁC KHU VỰC THƯỜNG XUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI

Bao gồm: 03 huyện ven biển: Bình Đại, Ba Tri và Thanh Phú; khu vực ven sông và các cồn trên sông thuộc các huyện: Giồng Trôm, Châu Thành, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và Chợ Lách.

Phần VI

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU THIẾT HẠI

1. Biện pháp chung gồm

a) Biện pháp phi công trình

- Hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai.

- Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp địa phương theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch.

- Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp; nghiên cứu các loại cây, con giống thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Rà soát, có kế hoạch di dời dân cư vùng có rủi ro thiên tai rất cao.

- Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.

- Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; kịp thời ban hành các công văn thông báo, cảnh báo thiên tai.

- Tổ chức và tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục triển khai các Đề án, Chương trình, Kế hoạch,... về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai cấp tỉnh.

- Tăng cường công tác bảo vệ, khôi phục và trồng mới rừng phòng hộ.

- Triển khai công tác thu Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh theo quy định.

b) Biện pháp công trình

- Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi: tiếp tục đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, cấp nước nhằm đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong mùa khô hàng năm cũng như các dự án có lồng ghép mục tiêu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Công trình hạ tầng cấp, thoát nước: đảm bảo cấp nước phục vụ người dân trong mùa hạn mặn; tiêu thoát nước chống ngập úng tại các khu dân cư tập trung. Đang tích cực phối hợp với các tỉnh Tiền Giang, Long An và Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP tổ chức triển khai thực hiện dự án “Trạm bơm nước thô cái bè và hệ thống truyền tải”.

- Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão đảm bảo an toàn.

- Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm phục vụ mục tiêu cung cấp các số liệu đo đạc KTTV phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; sớm triển khai lắp đặt 56 trạm quan trắc nước tự động thuộc Dự án Quản lý nước Bến Tre (dự án JICA3).

- Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai: phải đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về PCTT theo quy định; có xem xét đến điều kiện sinh kế bền vững của người dân; Hướng dẫn người dân các mô hình nhà ở an toàn; xây dựng các trụ sở, cơ quan trên địa bàn kết hợp là nơi tránh trú an toàn cho cộng đồng khi thiên tai xảy ra.

- Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai, là đường cứu hộ, cứu nạn, sơ tán để người dân tránh trú tạm thời; đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về PCTT theo quy định.

- Ngoài ra, việc tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cũng góp phần rất lớn trong việc nâng cao năng lực phòng chống, ứng phó thiên tai ở các lĩnh vực như: giao thông, điện, trường học, y tế, nhà ở, bưu điện, môi trường,...

2. Giải pháp cụ thể

Căn cứ vào các loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra, các ngành, các cấp địa phương quyết định lựa chọn một hoặc một số biện pháp ứng phó phù hợp theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống thiên tai. Trong đó cần tập trung thực hiện một số biện pháp phòng chống, ứng phó, cụ thể như sau:

a) Phương án phòng, chống, ứng phó với gió mạnh trên biển, áp thấp nhiệt đới và bão

Triển khai thực hiện theo Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Bến Tre được ban hành tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre bao gồm:

- Kế hoạch sơ tán dân tránh bão, nước dâng do bão trên cơ sở Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão của Trung ương ban hành và chuyển giao năm 2016 theo Công văn số 77/PCTT ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc rà soát, cập nhật Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão.

- Kế hoạch đảm bảo an toàn cho tàu thuyền;

- Kế hoạch bảo vệ các công trình phòng chống thiên tai và công trình trọng điểm;

- Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

- Kế hoạch huy động nguồn nhân lực, phương tiện ứng phó;

- Kế hoạch dự trữ vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm.

(Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của bão, áp thấp nhiệt đới theo

Phụ lục 2 đính kèm)

b) Phương án phòng, chống, ứng phó với nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn

Căn cứ Kế hoạch số 5731/KH-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phòng chống, ứng phó hạn mặn tỉnh Bến Tre đến năm 2025, các ngành, các cấp địa phương tổ chức xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn ngay từ cuối năm trước để chuẩn bị phòng chống, ứng phó cho năm tiếp theo trong phạm vi được giao quản lý của cơ quan, đơn vị. Trong đó cần tập trung thực hiện các giải pháp công trình, phi công trình nhằm đảm bảo đến năm 2025 tỉnh Bến Tre cơ bản không còn bị ảnh hưởng do xâm nhập mặn.

(Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn theo Phụ lục 3 đính kèm)

c) Phương án phòng, chống, ứng phó với ngập lụt, nước dâng

Tăng cường lực lượng kiểm tra, rà soát các tuyến đê bao, đặc biệt là đê bao các cồn, đê bao vườn cây ăn trái, đê bao ao cá, ngư trường.... Cho lực lượng gia cố, tôn cao ngay những nơi còn thấp, xung yếu; khắc phục ngay những đoạn đê đã và đang có nguy cơ sạt lở. Thường xuyên kiểm tra các cửa cống, kịp thời khắc phục, sửa chữa nếu có hư hỏng, đồng thời có kế hoạch đóng, mở điều tiết nước thích hợp hạn chế thiệt hại.

Triển khai các phương án đảm bảo an toàn sản xuất lúa, cây ăn trái và sản phẩm sau thu hoạch. Kiểm tra, rà soát các khu vực dân cư đang sinh sống ven sông, rạch, đặc biệt những khu vực đang có diễn biến sạt lở và có nguy cơ sạt lở, có kế hoạch sơ tán, di dời nhân dân ra khỏi vùng nguy hiểm để đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

Kiểm tra, quản lý chặt chẽ về an toàn giao thông đường thủy; các bến đò; đối với các phương tiện không đảm bảo an toàn, không có thiết bị cứu sinh (hoặc có nhưng không đảm bảo an toàn cho người sử dụng) phải đình chỉ hoạt động tránh để xảy ra tai nạn.

(Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của ngập lụt, nước dâng theo

Phụ lục 4 đính kèm)

d) Phương án phòng, chống, ứng phó với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Thực hiện theo Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

d.1) Phân loại mức độ sạt lở

- Sạt lở đặc biệt nguy hiểm, gây nguy hiểm trực tiếp đến đối tượng cần bảo vệ trong thời gian ngắn, gồm:

+ Sạt chân đê hoặc trong phạm vi bảo vệ đê từ cấp đặc biệt đến cấp III, đe dọa trực tiếp đến an toàn đê.

+ Gây nguy hiểm trực tiếp đến các khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan từ cấp huyện trở lên.

+ Đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng gồm quốc lộ, trường học, bệnh viện từ tuyến huyện trở lên.

- Sạt lở nguy hiểm, gồm:

+ Có nguy cơ ảnh hưởng đến đê nhưng còn ngoài phạm vi bảo vệ đê từ cấp đặc biệt đến cấp III hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến đê dưới cấp III.

+ Ảnh hưởng đến các khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan.

+ Có nguy cơ ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng gồm: quốc lộ, tỉnh lộ; di tích lịch sử, văn hóa; trường học, bệnh viện, trạm y tế.

- Sạt lở bình thường: những sạt lở khác, không thuộc 02 trường hợp nêu trên.

d.2) Thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở

Theo mức độ sạt lở, thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở như sau:

- Sạt lở đặc biệt nguy hiểm;
- Sạt lở nguy hiểm;
- Sạt lở bình thường.

Theo đối tượng cần bảo vệ, thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở như sau:

- Sạt lở ảnh hưởng đến an toàn đê, nhất là hệ thống đê từ cấp đặc biệt đến cấp III.

- Sạt lở trực tiếp đe dọa an toàn khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan;

- Sạt lở ảnh hưởng đến công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng.
- Sạt lở ảnh hưởng đến các công trình, đối tượng khác.

d.3) Trình tự xử lý sạt lở

Khi xảy ra sạt lở, ảnh hưởng đến phạm vi, trách nhiệm quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương nào, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó phải chủ động chỉ đạo xử lý theo trình tự các bước sau:

- Xử lý sạt lở đặc biệt nguy hiểm: Sơ tán khẩn cấp người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở nguy hiểm và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở nguy hiểm; Thông báo, cấm biển cảnh báo, khoanh vùng ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở, bố trí cán bộ trực canh theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở; Chỉ đạo các cơ quan chức năng, đơn vị thuộc thẩm quyền xử lý bước đầu để hạn chế sạt lở; Tổ chức lập phương án xử lý cấp bách, phê duyệt phương án và huy động lực lượng, vật tư xử lý cấp bách theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn đê, tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước.

- Xử lý sạt lở nguy hiểm: Tổ chức ngay việc di dời để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước; Thông báo, cấm biển cảnh báo, khoanh vùng ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở, theo dõi diễn biến sạt lở; Chỉ đạo việc xử lý bước đầu để hạn chế sạt lở; Chỉ đạo cơ quan liên quan tổ chức khảo sát, đánh giá để lập dự án đầu tư xử lý sạt lở trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập, phê duyệt dự án đầu tư (nếu có) và triển khai xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xử lý sạt lở bình thường: Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở, chủ động di dời dân cư đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản khi cần thiết; Cấm biển cảnh báo, khoanh vùng khu vực đang có diễn biến sạt lở; thực hiện các biện pháp

xử lý để hạn chế sạt lở trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

d.4) Biện pháp xử lý sạt lở

- Biện pháp phi công trình: Tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng dân cư nâng cao ý thức và trách nhiệm trong việc phòng ngừa và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển; Nghiên cứu, quan trắc, thông báo diễn biến sạt lở; cảnh báo vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở cao để có các biện pháp thích hợp phòng tránh, hoặc giảm thiểu thiệt hại; Di dời dự án, nhà cửa, công trình ra khỏi khu vực đang xảy ra sạt lở nguy hiểm hoặc có nguy cơ sạt lở nguy hiểm; lập quy hoạch, kế hoạch và phương án di dời dân cư, công trình trong vùng sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở; không quy hoạch, xây dựng mới công trình dân dụng hoặc bố trí dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở; Kiểm tra, ngăn chặn khai thác cát, sỏi, khoáng sản, xây dựng công trình, nhà cửa hoặc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trái phép, sai phép làm ảnh hưởng hoặc gây sạt lở bờ sông, bờ biển; Trồng cây chắn sóng, trồng cỏ mái bờ sông, bờ biển để hạn chế sạt lở; Nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Biện pháp công trình: Biện pháp xây dựng kè phòng, chống sạt lở chỉ được áp dụng trong các trường hợp không thực hiện được biện pháp phi công trình, hoặc có thể thực hiện được nhưng không đảm bảo hiệu quả, hoặc đã thực hiện các giải pháp phi công trình nhưng sạt lở vẫn xảy ra và có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng; Việc xây dựng công trình phòng, chống sạt lở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng công trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của sạt lở đất Phụ lục 5 đính kèm)

đ) Phương án phòng, chống, ứng phó với lốc, sét

đ.1) Trên đất liền

- Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chăm sóc chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông gió, lốc xoáy. Ở các cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông gió, lốc xoáy;

- Thường xuyên kiểm tra chặt tía cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

- Kiểm tra hệ thống chống sét các nhà cao tầng, công trình công cộng, đồng thời khắc phục sửa chữa ngay những hư hỏng (nếu có); khuyến cáo những hộ dân có điều kiện nên lắp đặt hệ thống chống sét để bảo vệ;

- Khi có mưa kèm theo giông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn;

- Khuyến cáo người dân thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả. Đồng thời hướng dẫn một số biện pháp phòng tránh sét đánh như:

- Khi đang ở nhà: khi có mưa giông, lốc xảy ra nên tránh xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng điện, nơi ẩm ướt; tránh sử dụng điện thoại và các thiết bị điện; nên rút phích cắm các thiết bị điện; Không nên ra ngoài lúc trời có mưa kèm theo sấm sét;

- Khi đang ở ngoài trời: tìm chỗ trú ẩn an toàn; không trú dưới tàn cây cao, không đứng ở những khoảng đất trống, rộng rãi như cánh đồng, sân chơi, tránh xa các vật kim loại, những nơi có nhiều nước như sông, rạch, ao, hồ,...; không nên đứng thành từng nhóm người gần nhau.

đ.2) Trên sông, biển

- Các cơ quan chức năng thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên thuyền khi đang ở trên sông, trên biển;

- Khi thấy ồ mây giông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

- Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, nhóm, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

II. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

1. Phân giao trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro

Căn cứ vào cấp độ rủi ro thiên tai được công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp địa phương thực hiện phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định. Cụ thể như sau:

a) Phân cấp trực tiếp chỉ huy ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã, phường thị trấn: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 1 trên địa bàn phụ trách.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, thành phố: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 2.

- Riêng rủi ro thiên tai cấp độ 3, 4 sẽ do Trung ương quyết định.

b) Trách nhiệm trong ứng phó thiên tai

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp chủ động huy động các nguồn lực theo thẩm quyền (nhân lực, vật tư, trang thiết bị, phương tiện,...) và triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người dân.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên để được hỗ trợ.

(Đính kèm phụ lục 6)

2. Xác định nguồn lực

a) Trên địa bàn tỉnh có 157/157 xã, phường, thị trấn đã thành lập lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT (Quyết định số 08/QĐ-PCTT ngày 27/3/2020) với khoảng 15.096 người, trong đó Dân quân tự vệ đóng vai trò nòng cốt.

b) Lực lượng huy động phòng chống, ứng phó khi có thiên tai xảy ra

- Lực lượng cấp tỉnh: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: 432 người. Ngoài ra Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã hiệp đồng với các đơn vị bạn, cấp trên để hỗ trợ lực lượng ứng cứu khi có tình huống xảy ra: Quân đoàn 4 - Sư đoàn 9: 350 người; các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 9: 703 người; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: 165 người; Các lực lượng khác: 751 người.

- Lực lượng cấp huyện, thành phố: Ban chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố: 9.266 người; Công an: 1.736 người; Bộ đội Biên phòng: 269 người; Y tế: 1.759 người; Hội Chữ thập đỏ: 1.389 người; Hội Phụ nữ: 5.445 người; Thanh niên tình nguyện: 2.866 người; Dân quân tự vệ: 2.913 người.

- Và một số lực lượng khác.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục 7)

c) Các phương tiện, trang thiết bị huy động phục vụ công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai:

- Phương tiện phục vụ công tác sơ tán dân: Phương tiện giao thông bộ (xe khách 16-30 chỗ, xe 03 bánh, mô tô,...): 1.530 chiếc; Phương tiện giao thông thủy (Tàu, ghe, ca nô,...): 2.878 chiếc.

- Phương tiện phục vụ bảo vệ các công trình trọng điểm (xe ben, máy đào, xáng dây,...): 862 chiếc.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục 8)

d) Vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm

Vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm được dự trữ tại các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh tại địa phương,...: Gạo: 2.502 tấn; Lương khô: 45 tấn; Xăng dầu các loại: 2.366 m³ và các nhu yếu phẩm cần thiết khác.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục 9)

III. TỔ CHỨC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, TÁI THIẾT

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, y tế tổ chức cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm về tính mạng, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích, ưu tiên các đối tượng là người già, người tàn tật, phụ nữ và trẻ em.

- Các đơn vị y tế phối hợp với lực lượng quân y có trách nhiệm lập các trạm cấp cứu lưu động hoặc phối hợp với địa phương trưng dụng các cơ quan, trường học cơ sở y tế tại các khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận và sơ, cấp cứu người bị nạn.

- Tiến hành xác định những đối tượng cần được hỗ trợ để có biện pháp cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Huy động lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia vào công tác cấp cứu người bị nạn.

- Xây dựng các lán trại tạm thời cho người bị mất nhà cửa, tiến hành cấp phát lương thực, thực phẩm, nước uống cho người bị nạn.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 26/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Các ngành chức năng tổ chức thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra, xác định nhu cầu cần hỗ trợ để đề xuất phương án khắc phục hậu quả kịp thời.

- Địa phương kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh,... để kịp thời ổn định đời sống người dân, khôi phục sản xuất.

- Ngành y tế, môi trường tổ chức vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Tổ chức huy động lực lượng, đề xuất giải pháp khôi phục, sửa chữa, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, công trình công cộng.

3. Xây dựng tái thiết

- Căn cứ vào kết quả thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ tiến hành các thủ tục hỗ trợ người dân bị thiệt hại về người, dân sinh, sản xuất theo quy định (tiến hành ngay). Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất. Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường.

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và nguồn kinh phí dự phòng của địa phương để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên (tiến hành khắc phục hậu quả khẩn cấp trong thời gian 3 - 6 tháng hoặc muộn nhất là 1 năm sau khi thiên tai xảy ra).

- Dựa vào báo cáo đánh giá thiệt hại tiến hành rà soát, điều chỉnh lại cấp độ rủi ro và giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu cho phù hợp.

- Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai.

- Tổ chức huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ.

Phần VII

NGUỒN LỰC VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, nguồn lực thực hiện bao gồm: nguồn lực Ngân sách nhà nước; quỹ phòng, chống thiên tai; nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

II. NHU CẦU NGUỒN LỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trước diễn biến tình hình thiên tai, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển,... đang ngày càng cực đoan, gay gắt hơn, làm ảnh hưởng rất lớn đời sống dân sinh và sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Do đó, trong giai đoạn từ năm 2021-2025, cần tiếp tục đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, cấp nước nhằm đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong mùa khô hàng năm cũng như các dự án có lồng ghép mục tiêu phòng, chống thiên tai với tổng kinh phí ước khoảng 7.527 tỷ đồng, trong đó:

1. Thực hiện các công trình, dự án có lồng ghép mục tiêu về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh với kinh phí khoảng 5.116 tỷ đồng.

2. Đề xuất JICA tiếp tục khảo sát, hỗ trợ thực hiện các công trình thuộc hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre nhằm đảm bảo mục tiêu chủ động được nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (Theo kế hoạch số 5731/KH-

UBND ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống ứng phó hạn mặn tỉnh Bến Tre đến năm 2025) với kinh phí khoảng 2.411 tỷ đồng.

III. PHÂN KỲ THỰC HIỆN: Chi tiết theo *Phụ lục 10* đính kèm

Phần VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch, Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão của Trung ương ban hành đề nghị các sở, ban ngành, Đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 theo quy định. Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương.

- Cập nhật, bổ sung kế hoạch, phương án hàng năm theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch của ngành, đơn vị mình, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các huyện, thành phố được phân công phụ trách.

- Chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn lực lượng, phương tiện, vật tư chủ động tham gia ứng cứu khi có yêu cầu.

- Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương thuộc phạm vi quản lý.

- Hàng năm tổ chức củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các ngành, các cấp theo quy định.

- Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình PCTT trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

- Tổ chức tốt công tác trực ban, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh*)

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 8 Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bến Tre.

- Kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai của các ngành, địa phương.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để chức thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khuyến cáo người dân tuân thủ lịch thời vụ; xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với thiên tai.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương triển khai công tác thu Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh theo quy định.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 9 Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bến Tre.

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đồng thời chủ trì phối hợp với đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Trực tiếp chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai và các lĩnh vực khác liên quan đến thiên tai thuộc trách nhiệm của đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch huấn luyện, đào tạo, diễn tập, kế hoạch mua sắm, dự trữ phương tiện, vật tư phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn.

- Lập phương án bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia hộ đê, hộ đập, tìm kiếm, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn (Quân sự, Biên phòng, Công an, Chi cục Thủy sản,...). Bao gồm cả việc hiệp đồng với các lực lượng trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức tìm kiếm cứu nạn; Phối hợp cùng với địa phương và các lực lượng có liên quan

triển khai công tác sơ tán, di dời dân, công tác giúp dân khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án và triển khai lực lượng, phương tiện sơ tán, di dời dân để đối phó với các tình huống khẩn cấp do thiên tai, tai nạn gây ra; phối hợp các lực lượng giúp dân khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Sẵn sàng và cơ động lực lượng khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn khi có lệnh của Trưởng ban; cất giữ, bảo quản và sử dụng phương tiện, trang thiết bị cho nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã được cấp phát để thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 10 Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bến Tre.

- Trực tiếp chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai và các lĩnh vực khác liên quan đến thiên tai trên địa bàn các xã khu vực biên giới biển thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch huấn luyện, đào tạo, diễn tập, kế hoạch mua sắm, dự trữ phương tiện, vật tư phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

- Lập phương án bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia hộ đê, hộ đập, tìm kiếm, cứu nạn; phối hợp giữa các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn (Quân sự, Biên phòng, Công an, Chi cục Thủy sản,...). Bao gồm cả việc hiệp đồng với các lực lượng trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức tìm kiếm cứu nạn trên biển; Bắn pháo hiệu báo bão theo quy định; Phối hợp ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra an toàn các phương tiện hành nghề trên biển, hướng dẫn neo đậu tàu thuyền tránh bão, áp thấp nhiệt đới.

- Xây dựng, triển khai phương án sơ tán, di dời dân; chủ trì huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển theo đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định để ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai; hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả do thiên tai; tham mưu cho địa phương có phương án tiếp nhận, bàn giao người và phương tiện nước ngoài bị nạn được cứu vớt trên biển theo quy định hiện hành; phối hợp với các lực lượng liên quan tham gia ứng cứu, khắc phục hậu quả tràn dầu theo quy chế, kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương thực hiện công tác kiểm đếm, kêu gọi tàu thuyền khi có bão, áp thấp nhiệt đới; xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phụ trách trong ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai.

4. Công an tỉnh

Lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai xảy ra, phối hợp ngành, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin của tỉnh.

- Chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai trong mọi tình huống thiên tai xảy ra.

6. Sở Giao thông vận tải

- Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện về phát triển giao thông vận tải phù hợp với chiến lược và kế hoạch phòng, chống thiên tai.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ giao thông, bảo đảm an toàn giao thông vận tải khi thiên tai xảy ra.

- Xây dựng phương án huy động đảm bảo phương tiện thủy, bộ đáp ứng yêu cầu sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra; khắc phục kịp thời các đoạn đường bị sạt lở, đảm bảo lưu thông thông suốt, nhất là các tuyến lộ chính trong tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo an toàn đối với các phương tiện giao thông thủy, tàu thuyền du lịch, các bến đò ngang, đò dọc,... trước mùa mưa bão hàng năm.

7. Sở Công thương

Phối hợp với các ngành, địa phương có kế hoạch chuẩn bị các mặt hàng thiết yếu cung ứng cho nhân dân, đặc biệt là các vùng thường xuyên bị thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm.

8. Sở Xây dựng

- Rà soát yêu cầu các đơn vị quản lý sử dụng công trình tổ chức kiểm định các công trình cũ, nguy hiểm để có biện pháp xử lý đảm bảo hạn chế tác hại khi xảy ra thiên tai.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân về các biện pháp kỹ thuật chằng chống nhà cửa đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

9. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn vốn, kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện kế hoạch phòng phòng, chống thiên tai; vốn hỗ trợ đột xuất khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với các ngành, địa phương thẩm định thiệt hại do thiên tai và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thiệt hại cho người dân theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương triển khai công tác thu Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh theo quy định.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn, chủ trì, theo dõi, kiểm tra và đánh giá nội dung lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội theo quy định.

- Tổng hợp danh mục, nhu cầu đầu tư, xác định nguồn vốn, bố trí vốn hàng năm thực hiện kế hoạch.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn cho người và công trình.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống, ứng phó thiên tai đối với giáo viên và học sinh.

12. Sở Y tế

- Dự trữ thuốc, phương tiện y tế, hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường theo quy định.

- Chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

13. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương thực hiện hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, bị thương, bị thiệt hại về nhà ở,... do thiên tai gây theo quy định.

14. Sở Tài nguyên và Môi trường

Cung cấp các kịch bản, bản tin dự báo; phân vùng rủi ro thiên tai, tổ chức quan trắc dự báo, cảnh báo sớm và các nhiệm vụ theo quy định của ngành mình; Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức để phòng ngừa, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu; xử lý ô nhiễm môi trường sau thiên tai.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân về PCTT, vận động, tiếp nhận, thực hiện và phân phối hàng cứu trợ kịp thời đến tay người dân bị thiệt hại do thiên tai có điều kiện sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn; tiếp nhận và phân phối.

16. Điện lực Bến Tre

Hàng năm có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa lưới điện trước mùa mưa bão, đồng thời có phương án khắc phục hậu quả sau thiên tai đảm bảo cung cấp điện phục vụ người dân trong thời gian nhanh nhất.

17. Viễn thông Bến Tre

Có phương án đảm bảo thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cho các cấp chính quyền địa phương trong mọi tình huống; sẵn sàng lực lượng, phương tiện sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu sử dụng cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, kể cả các máy điện thoại vệ tinh, cáp quang, vô tuyến lưu động dự phòng khi có tình huống thiên tai xảy ra.

18. Đài Khí tượng Thủy văn Bến Tre

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; thông báo nhanh chóng, kịp thời tình hình thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và đến người dân để chủ động phòng, chống.

19. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đồng Khởi

Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương xây dựng và phát sóng các chương trình nâng cao nhận thức của người dân trong phòng ngừa, ứng phó thiên tai; đồng thời phát sóng các bản tin, thông báo, cảnh báo và văn bản chỉ đạo phòng chống, ứng phó thiên tai của Trung ương và của tỉnh theo quy định.

20. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Các thành viên thuộc các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và lĩnh vực chuyên ngành phụ trách; điều phối, hỗ trợ các địa phương được phân công phụ trách ứng phó thiên tai cấp độ 1; tham gia chỉ huy, ứng phó thiên tai cấp độ 2, 3, 4.

- Chỉ huy thống kê số liệu thiệt hại, nhu cầu cứu trợ của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và lĩnh vực chuyên ngành phụ trách.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các huyện, thành phố được phân công.

- Thực hiện tốt nội dung Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bến Tre.

21. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Rà soát, tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và tình hình thiên tai thực tế tại địa phương.

- Cập nhật, bổ sung kế hoạch, phương án hàng năm theo quy định.

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, cấp độ rủi ro thiên tai, diễn biến thiên tai, sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban chỉ đạo trung ương về Phòng, chống thiên tai; Ủy ban

Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

+ Thực hiện phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của Luật PCTT.

+ Quyết định lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa bàn.

+ Chủ động huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm đã được chuẩn bị theo phương châm bốn tại chỗ để ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp tại địa phương; có trách nhiệm quyết định việc hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động theo quy định của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; chỉ đạo các Đài phát thanh huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương. Đồng thời chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác trực ban và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp vượt quá khả năng phòng chống, ứng phó, phải báo cáo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để xem xét, hỗ trợ.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập theo các phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- Phối hợp với các ngành tỉnh có liên quan để triển khai công tác thu Quỹ PCTT của địa phương theo quy định.

22. Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre

Phối hợp với các địa phương triển khai biện pháp chặt tía cây xanh dễ đổ ngã, kiểm tra các pano, bản hiệu,... trước mùa mưa bão; sẵn sàng phương án đảm bảo giao thông, đặc biệt là các tuyến đường chính khi có tình huống thiên tai.

23. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre và các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp nước sạch

Chuẩn bị sẵn sàng hương án đảm bảo cấp nước phục vụ sinh hoạt, cho các bệnh viện, trường học, nhà hàng, khách sạn,... các khu công nghiệp trong mùa khô. Đồng thời có phương án hỗ trợ các nhà máy nước nông thôn đầu nối nguồn nước của Công ty để kịp thời cung cấp nước cho người dân trong trường hợp tình

hình xâm nhập mặn diễn biến gay gắt, ảnh hưởng đến nguồn nước thô tại các nhà máy.

24. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 5 Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bến Tre. Trong đó tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm như:

- Tổ chức trực ban theo quy định. Tiếp nhận và triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn. Thu thập và xử lý kịp thời những thông tin có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

- Chủ động thông tin, hướng dẫn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các ngành, địa phương triển khai phương án phòng chống khi có sự cố xảy ra. Chủ động triển khai các phương án phòng, chống thiên tai; kết nối thông tin giúp cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh triển khai các phương án một cách hiệu quả.

- Cập nhật, tổng hợp các thông tin về khí tượng, thủy văn. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành quyết định, công điện, thông báo, cảnh báo, báo động và các biện pháp thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

- Tổng hợp, báo cáo công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.

- Quản lý, sử dụng con dấu của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, được cấp kinh phí và mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025 đề nghị các ngành, các cấp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận: (kèm PL: 1-10)

- | | |
|--|------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Ban Chỉ đạo TW về PCTT; - UBQG UPSC TT và TKCN; - Bộ NN và PTNT; - Tổng cục PCTT; - TT. TU, TT. HĐND tỉnh; - CT, các PCT UBND tỉnh; - Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; - Công ty Điện lực Bến Tre; - Viễn thông Bến Tre; - Đài Khí tượng Thủy văn Bến Tre; - UBND các huyện, thành phố; - Chánh, các PCVP UBND tỉnh; - Phòng KT, TH; - Công TTĐT tỉnh; - Lưu: VT. | } Thay b/c |
|--|------------|

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Cảnh

